

hiện các chính sách trợ giúp của Nhà nước đã ban hành như chính sách đối với vùng phân lũ, chính sách cứu tế đối với những gia đình gặp khó khăn, thiếu đói, không tự giải quyết được.

Phải tổ chức chăm sóc sức khỏe cho nhân dân như khám bệnh, chữa bệnh, vệ sinh phòng dịch...

Việc phục hồi các công trình sản xuất, công trình công cộng như trường học, bệnh xá, trại chăn nuôi, các cơ sở sản xuất phải được ưu tiên giải quyết trước.

Về sản xuất nông nghiệp: phải tập trung sức chống úng bằng mọi biện pháp, kịp thời chăm sóc những cây còn lại, gieo cấy lại những cây còn thời vụ hoặc chuyển hướng canh tác cho phù hợp với tính chất đất đai và thời tiết khí hậu từng vùng.

Đối với chăn nuôi: phải kịp thời phục hồi đàn gia súc, gia cầm, không để thiếu ăn, chết đói, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch phát sinh và chống lạm sát.

4. Trong mùa bão lụt, các ngành giao thông, thủy lợi, điện, bưu điện v.v... phải tổ chức thường trực để kịp thời giải quyết những vấn đề cấp thiết như bảo đảm giao thông vận tải, thông tin liên lạc, ngăn ngừa những tai nạn có thể xảy ra như vỡ đê, ngập lụt hoặc gió bão làm đổ cây, sập nhà, dây điện đứt v.v... Đối với đường dây cao thế và điện trong các thành phố phải có biện pháp phòng, chống sét, phòng chống đồ gãy cột, đứt dây và phải kịp thời sửa chữa để nhanh chóng đưa điện vào phục vụ sản xuất và đời sống.

Công tác bảo vệ hậu phương, phòng, chống lụt, bão là một công tác hết sức quan trọng nhưng cũng rất phức tạp và thật khàn trương Ủy ban hành chính các cấp và các ngành phải thấy đầy đủ trách nhiệm của mình để chỉ đạo thật chặt chẽ vì nếu không chuẩn bị tốt thì không thể tránh khỏi được thiệt hại lớn khi có lụt bão xảy ra, nhưng khi tiến hành công tác chuẩn bị lại phải thấy hết khó khăn về vật tư trong tình hình hiện nay mà đề cao ý thức tiết kiệm và phát huy triệt để tinh thần tự lực cánh sinh, tận dụng mọi khả năng nhân tài vật lực tại chỗ của mỗi địa phương và đơn vị mình. Các ngành quản lý, phân phối vật tư

phải cố gắng chuẩn bị và giải quyết một số nhu cầu cấp thiết không có không được cho các ngành và các địa phương theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc cho nhu cầu đột xuất.

Trên đây là một số vấn đề có tính chất chung, mỗi ngành, mỗi địa phương, nhất là những nơi mấy năm vừa qua bị bão lụt nhiều cần liên hệ, bổ sung cho đầy đủ, khắc phục những mặt còn yếu, kém, bảo đảm hoàn thành tốt công tác chuẩn bị bảo vệ hậu phương phòng, chống lụt, bão năm nay.

*Hà-nội, ngày 28 tháng 5 năm 1974*

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

ĐỖ MUỘI

## CÁC BỘ

### BỘ Y TẾ

**QUYẾT ĐỊNH số 142-BYT/QĐ ngày 6-4-1974 ban hành bản quy định quyền hạn, nhiệm vụ cho cơ quan y tế các cấp và cán bộ chuyên trách kiểm tra về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh ăn uống công cộng.**

### BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

*Căn cứ nghị định số 194-CP ngày 31-12-1964 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe,*

*Căn cứ thông tư số 29-BYT-TT ngày 21-10-1971 của Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể việc thi hành Điều lệ về giữ gìn vệ sinh,*

*Căn cứ quyết định số 252-NT/LB ngày 9-5-1964 của liên Bộ Nội thương — Y tế ban hành Điều lệ vệ sinh ăn uống công cộng,*

*Căn cứ quyết định số 322-YT/LB ngày 9-6-1971 của liên Bộ Y tế — Nội thương ban hành Điều lệ vệ sinh thực phẩm,*

*Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ vệ sinh phòng dịch,*



## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay ban hành bản quy định quyền hạn và nhiệm vụ cho cơ quan y tế các cấp và cán bộ chuyên trách kiểm tra về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh ăn uống đối với các cơ sở ăn uống công cộng, các nhà ăn tập thể, các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm và bánh kẹo.

**Điều 2.** — Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các quyết định trước đây nếu trái với quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** — Các ông Vụ trưởng Vụ vệ sinh phòng dịch, Viện trưởng Viện vệ sinh dịch tễ học, các Sở, Ty y tế, các Trạm vệ sinh phòng dịch có nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 6 tháng 4 năm 1974

Quyền Bộ trưởng Bộ Y tế  
Bác sĩ VŨ VĂN CẦN

## QUY ĐỊNH

**Quyền hạn cho cơ quan y tế các cấp và cán bộ chuyên trách kiểm tra về vệ sinh thực phẩm, vệ sinh ăn uống.**

(ban hành kèm theo quyết định số 142-BYT/QĐ ngày 6-4-1974 của Bộ Y tế)

### Chương I

**Quyền hạn và nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách.**

**Điều 1.** — Các trạm vệ sinh phòng dịch thành, tỉnh, thị xã đều phải có bác sĩ chuyên trách theo dõi về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh ăn uống. Các trạm vệ sinh phòng dịch, khu phố, huyện, xã, nếu không có bác sĩ đảm nhiệm, nhất thiết phải có y sĩ chuyên trách vệ sinh thực phẩm và vệ sinh ăn uống.

**Điều 2.** — Các bác sĩ chuyên trách về vệ sinh thực phẩm của Bộ Y tế, Viện vệ sinh dịch tễ học, Cục ăn uống Bộ Nội thương có trách nhiệm đối với tất cả các cơ sở vệ sinh thực phẩm và ăn uống công cộng trong nước.

**Điều 3.** — Cán bộ chuyên trách về vệ sinh thực phẩm của các trạm vệ sinh phòng dịch tỉnh, thành có trách nhiệm đối với các cơ sở thực phẩm và ăn uống trong phạm vi thành phố, tỉnh, thị xã, cán bộ đặc trách ở khu phố hoặc khu vực nào có trách nhiệm đối với các cơ sở ăn uống, sản xuất, chế biến, phân phối thực phẩm trong địa phương do mình phụ trách.

**Điều 4.** — Cán bộ vệ sinh thực phẩm của phòng y tế huyện có trách nhiệm đối với các cơ sở thực phẩm và ăn uống công cộng thuộc huyện quản lý.

**Điều 5.** — Cán bộ vệ sinh thực phẩm của ban y tế xã có trách nhiệm đối với các cơ sở thực phẩm và ăn uống công cộng thuộc xã quản lý. Các cán bộ này phải là những cán bộ đã được theo học các lớp về vệ sinh thực phẩm.

**Điều 6.** — Các cán bộ y tế khi đi làm công tác kiểm tra vệ sinh thực phẩm phải có giấy giới thiệu chuyên trách kiểm tra vệ sinh thực phẩm do Ủy ban hành chính của địa phương mình cấp hoặc giấy ủy nhiệm do cơ quan y tế mà mình trực thuộc cấp.

Giấy giới thiệu chuyên trách kiểm tra do Ủy ban hành chính thành, tỉnh cấp cho cán bộ các cấp (bác sĩ chuyên trách về vệ sinh thực phẩm và ăn uống) của trạm vệ sinh phòng dịch thành phố và tỉnh, thị xã.

Riêng đối với cán bộ của Bộ Y tế, Viện vệ sinh dịch tễ học, Cục ăn uống Bộ Nội thương thì do Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy giới thiệu chuyên trách (mẫu giấy giới thiệu kèm theo).

**Điều 7.** — Ngoài số cán bộ được cấp giấy giới thiệu chuyên trách kiểm tra vệ sinh thực phẩm và ăn uống, các cán bộ khác không chuyên về vệ sinh thực phẩm muốn được tham gia kiểm tra phải có giấy giới thiệu khác do sở, ty y tế hoặc trạm vệ sinh phòng dịch địa phương cấp; giấy này chỉ có giá trị trong từng đợt kiểm tra ngắn ngày.

### Chương II

**Quyền hạn các cơ quan được lấy mẫu kiểm nghiệm.**

**Điều 8.** — Phòng kiểm nghiệm thực phẩm của Viện vệ sinh dịch tễ học và phòng kiểm nghiệm thực phẩm của các trạm vệ sinh phòng



dịch thành phố, tỉnh được quyền lấy mẫu và kiểm nghiệm về vệ sinh thực phẩm.

— Cơ quan y tế khu, huyện, xã có quyền lấy mẫu và gửi lên các phòng kiểm nghiệm cấp trên khi cần thiết.

**Điều 9.** — Sau khi có kết quả kiểm nghiệm gửi về các cơ quan chủ quản, nếu có trường hợp khiếu nại về nội dung, phương pháp, kết quả kiểm nghiệm thì cán bộ kiểm tra phải lấy mẫu kiểm nghiệm lại hoặc gửi phiếu kiểm nghiệm lên cấp trên một cấp để kiểm tra lại.

**Điều 10.** — Khi mẫu hàng đã quá rõ ràng về mặt phẩm chất không tốt, cán bộ kiểm tra về vệ sinh thực phẩm có thể quyết định hủy bỏ hoặc xử trí và chỉ lấy mẫu để kiểm nghiệm khi cơ sở thực phẩm hay cơ sở ăn uống không thừa nhận thực tế là thực phẩm hỏng.

### Chương III

#### Thủ tục và phương pháp lấy mẫu kiểm nghiệm thực phẩm.

**Điều 11.** — Mẫu sẽ lấy ở mỗi lô hàng đồng nhất gồm có sản phẩm cùng một tên gọi, cùng một loại phẩm chất và khối lượng đựng trong bao bì cùng một kiểu, một kích thước, sản xuất cùng một ngày theo cùng một quy trình sản xuất ở cùng một cơ sở được giao nhận, kiểm tra cùng một lúc, thời gian và điều kiện bảo quản giống nhau.

**Điều 12.** — Mẫu lấy được phải đồng nhất và đại diện ở mỗi góc, mỗi chiều sâu và trên một số đơn vị càng lớn càng tốt. Lượng lấy phải đủ để có thể chia làm hai phần, một phần gửi đến phòng kiểm nghiệm, một phần giữ lại cho cơ sở thực phẩm làm đối chứng.

**Điều 13.** — Số lượng cần thiết cho kiểm nghiệm bao gồm cả phần lưu mẫu đối chứng ở phòng kiểm nghiệm cho mỗi loại thực phẩm như sau :

— Thịt sống lấy 400g (200g cho kiểm nghiệm vi sinh vật, 200 g cho kiểm nghiệm hóa học)

— Thịt đã chế biến, batê, lap sườn v.v... lấy 1 phần 100, từ 100 đến 300g

— Cá, chọn mỗi lô từ 3 phần 100 đến 5 phần 100, hoặc trong mỗi lô từ 3 đến 5 con tối thiểu lấy 500g

— Mỡ động vật (mỡ ăn) . . . . . lấy 300g

— Dầu thực vật (dầu ăn) . . . . . lấy 300g

— Ngũ cốc . . . . . lấy 1000g

— Bột ngũ cốc . . . . . lấy 1000g

— Bánh mỳ 500 g. . . . . lấy 1 cái

— Bánh mỳ trên 200 g . . . . . lấy 2 cái

— Gia vị (ớt, hạt tiêu, mì chính) lấy 50g

— Muối . . . . . lấy 200g

— Dấm. . . . . lấy 200ml

— Trứng 50g/quả . . . . . lấy 3 đến 5 quả

— Mỳ, miến. . . . . lấy 500g

— Sữa tươi, tối thiểu. . . . . lấy 250g

— Sữa hộp, sữa bột (hộp) . . . . . lấy 1 đến 3 hộp

— Sữa bột (túi) . . . . . lấy 1 đến 3 túi

— Đồ hộp ở xí nghiệp sản xuất. lấy 0,5 đến 1 phần 1000 có thể lấy tối thiểu 10 hộp

(5 cho kiểm nghiệm vi sinh vật,

5 cho kiểm nghiệm hóa học).

— Đồ hộp ở nơi phân phối . . . . . lấy 8 hộp

(4 cho kiểm nghiệm vi sinh vật

4 cho kiểm nghiệm hóa học)

— Nếu có những hộp trên 1 kg thì lấy 1—3 kg

— Nước hoa quả ở xí nghiệp lấy 0,5—1 phần 100

— Nước hoa quả ở cửa hàng tiêu thụ :

dưới 250 hòm (1 hòm  $\times$  12 chai) lấy 5—7 chai

trên 250 hòm . . . . . lấy 10 chai

— Rượu . . . . . lấy 1 lít

— Bia . . . . . lấy 2 lít

— Kem, nước đá . . . . . lấy 1 lít hoặc 1 kg

— Đường, mật, kẹo . . . . . lấy 250 g

— Chè . . . . . lấy 50g

— Cà phê, sôcôla, cacao . . . . . lấy 50 g

— Rau, quả, nấm . . . . . lấy 500 g

— Đồ vật bằng cao su, nhựa tổng hợp dùng để bao gói thực phẩm . . . . . lấy 250g

Những loại thực phẩm không có ghi trong bảng này thì so sánh nếu giống nhau về tính chất thì lượng mẫu sẽ lấy tương đương với các loại thực phẩm ghi ở trên.

**Điều 14.** — Giá trị về tiền của mẫu những thực phẩm do cơ sở có thực phẩm chịu.

**Điều 15.** — Trường hợp cơ sở yêu cầu cơ quan y tế kiểm nghiệm mặt hàng thì cơ sở đó phải thanh toán phí hóa chất.

**Điều 16.** — Khi lấy mẫu phải lập biên bản, ghi rõ :

— Tên... chức vụ... cơ quan... (của người đi lấy mẫu),

— Tên cơ sở, địa chỉ cơ sở có mẫu,

— Tình hình vệ sinh sơ bộ của cơ sở,

— Các mặt hàng và số lượng từng loại đã được lấy mẫu (theo điều 13 chương III),

— Những người chứng kiến việc lấy mẫu,

— Chữ ký của người lấy mẫu và đại biểu của cơ sở có hàng phải lấy mẫu kiểm nghiệm.

Biên bản làm thành 3 bản :

— 1 giao cho người quản lý cơ sở thực phẩm,

— 1 giao cho cơ quan lấy mẫu,

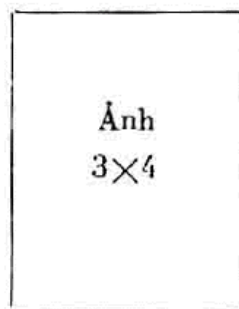
— 1 gửi kèm theo mẫu thực phẩm đến phòng kiểm nghiệm.

### Mẫu giấy chứng nhận

UBHC . . . . .

Số : . . . . .

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc



### GIẤY CHỨNG NHẬN

**Được quyền kiểm tra về vệ sinh thực phẩm, ăn uống**

Cấp cho ông, bà..... là.....  
thuộc cơ quan.....

Được quyền kiểm tra thường xuyên, lập biên bản và kiến nghị những biện pháp xử lý về mặt vệ sinh ở các cơ sở sản xuất, chế biến, đóng gói, dự trữ, chuyên chở, phân phối các loại lương thực, thực phẩm, các cửa hàng ăn uống quốc doanh, hợp tác xã và tư nhân trong phạm vi.....

Những cơ sở được kiểm tra có trách nhiệm tạo mọi điều kiện giúp đỡ ông, bà..... làm tròn nhiệm vụ.

Chữ ký người được  
cấp giấy

Ngày tháng năm  
Chủ tịch

UBHC.....

**Ghi chú :** Nghiêm cấm sử dụng giấy này vào lợi ích cá nhân. Khi thay đổi nhiệm vụ, người được cấp giấy phải nộp lại giấy chứng nhận này cho cơ quan cấp giấy.



### Chương IV

#### Xử lý đối với thực phẩm và cơ sở chế biến thực phẩm.

**Điều 17.** — Các thực phẩm phải bảo đảm các yêu cầu sau đây :

1. Không có các loại vi trùng gây bệnh và độc tố của chúng ;
2. Không có các tạp chất bình thường (sạn, cát, v.v...) quá mức quy định cho từng loại thực phẩm ;
3. Không có các loại ký sinh trùng động vật (dòi, bọ, mọt, sâu) hoặc ký sinh trùng thực vật (nấm mốc) ;
4. Không có độc chất cấm dùng trong thực phẩm và hóa chất dùng liều độc. Ví dụ : phẩm màu không được dùng phẩm nhuộm cho vào thực phẩm ;
5. Không ôi thiu ;
6. Không có xác chết của các loại côn trùng (gián, ruồi, nhặng) và xác động vật (chuột, v.v...).

**Điều 18.** — Sau khi có kết quả kiểm nghiệm, nếu xác định không bảo đảm tiêu chuẩn phẩm chất thực phẩm thì phải tiến hành xử lý.

**Điều 19.** — Hình thức xử lý :

1. Chế biến lại sẽ cho tiêu thụ, ví dụ : nấu chín lại, đun sôi, ninh nhừ, v.v... tùy theo các loại thực phẩm ;
2. Dùng làm thức ăn cho súc vật ;
3. Dùng làm nguyên liệu cho kỹ nghệ khác ngoài kỹ nghệ thực phẩm ;
4. Phá hủy, chôn, sau khi đã làm biến chất bằng cách cho vôi bột và thuốc sát trùng vào.

**Điều 20.** — Khi tiến hành xử lý phải có mặt của đại diện cơ quan y tế và đại diện của chính quyền hoặc công an địa phương và đại diện của cơ sở có thực phẩm bị xử lý.

**Điều 21.** — Sau khi xử lý xong phải lập biên bản thành 3 bản :

- 1 bản lưu ở cơ sở có thực phẩm,
- 1 bản do Trạm vệ sinh phòng dịch địa phương giữ,
- 1 bản do chính quyền địa phương hoặc công an địa phương giữ.

Các đại diện của các cơ quan có mặt cùng ký tên vào các biên bản.

**Điều 22.** — Những hình thức và biện pháp xử lý thực phẩm còn nghi không đủ tiêu chuẩn phẩm chất do trạm vệ sinh phòng dịch đề nghị lên sở, ty y tế địa phương quyết định. Loại thực phẩm này tạm thời đình chỉ tiêu thụ để chờ xét nghiệm.

Đề nghị xử lý của cơ quan y tế phải có kèm theo kết luận của việc điều tra thực tế, hoặc kết quả phân tích của phòng kiểm nghiệm có giải thích rõ ràng.

**Điều 23.** — Trường hợp có khiếu nại thì phải xin cơ quan y tế trên một cấp có ý kiến quyết định.

**Điều 24.** — Kết luận của Viện vệ sinh dịch tễ học được Bộ Y tế thông qua là kết luận cuối cùng.

### Chương V

#### Điều khoản thi hành.

**Điều 25.** — Đối với các cơ sở ăn uống công cộng và sản xuất chế biến thực phẩm, các cấp bộ, công nhân, viên chức, các cá nhân buôn bán thực phẩm nếu vi phạm điều 11 chương I trong Điều lệ giữ gìn vệ sinh bảo vệ sức khỏe của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 31-12-1964 tiêu thụ các thức ăn ôi hỏng, sử dụng những chất đã cấm không được cho vào thực phẩm hoặc tình trạng vệ sinh ở các cơ sở ăn uống sản xuất, chế biến thực phẩm quá kém thì trạm vệ sinh phòng dịch các tỉnh, thành, cấp tương đương, sau khi đã kiểm tra và có kết luận, tùy theo mức độ vi phạm luật lệ sẽ đề nghị hình thức kỷ luật.

Các hình thức kỷ luật gồm có :

1. Phê bình, cảnh cáo,
2. Tịch thu thực phẩm để tiêu hủy,
3. Phạt vi cảnh,
4. Đóng cửa tạm thời để chấn chỉnh tình trạng vệ sinh, hoặc đóng cửa hẳn,
5. Đối với cá nhân vi phạm luật lệ có thể cho chuyển công tác, hoặc cho thôi việc, hoặc bị truy tố trước tòa án.



**Điều 26.** — Thủ trưởng các cơ quan y tế, các cán bộ trực tiếp kiểm tra phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những kết luận, biện pháp xử lý của mình đối với các cơ sở thực phẩm.

**Điều 27.** — Các cán bộ được ủy quyền làm công tác kiểm tra vệ sinh thực phẩm và vệ sinh ăn uống công cộng phải giữ bí mật những số liệu, tình hình kho tàng v.v... do các cơ sở cung cấp.

**Điều 28.** — Các cán bộ y tế: y bác sĩ được phân công chuyên trách kiểm tra vệ sinh thực phẩm phải quán triệt nhiệm vụ và quyền hạn của mình, phải liêm khiết, chí công vô tư.

Trong khi kiểm tra phải có thái độ đúng đắn, tạo mọi điều kiện hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở được kiểm tra thực hiện tốt vấn đề vệ sinh theo các văn bản của Nhà nước đã ban hành.

Nghiêm cấm các cán bộ được quyền kiểm tra lợi dụng quyền hạn nhiệm vụ để phục vụ lợi ích cá nhân; nếu vi phạm các điều trên sẽ bị nghiêm trị theo luật pháp hiện hành.

**Điều 29.** — Những cơ quan, đơn vị nào không kê vì lý do nào đó gây khó khăn cho các cán bộ đi kiểm tra vệ sinh thực phẩm và vệ sinh ăn uống công cộng trong lúc thi hành nhiệm vụ thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc làm của mình. Ủy ban hành chính địa phương sẽ căn cứ vào đề nghị của cơ sở y tế, tùy mức độ của sự việc, thi hành các hình thức kỷ luật thích đáng từ phê bình, cảnh cáo đến đưa ra tòa án để truy tố theo luật lệ hiện hành.

Quyền Bộ trưởng Bộ Y tế  
Bác sĩ VŨ VĂN CẦN

### TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

**THÔNG TƯ số 4-1974/TT ngày 20-5-1974**  
**quy định việc xếp loại bưu chính**  
**và những loại bưu phẩm được trao**  
**đổi với nước ngoài.**

Thi hành những điều khoản trong chương II, phần thứ nhất của Điều lệ gửi, nhận và chuyển phát bưu phẩm, ban hành kèm theo nghị định

số 91-CP ngày 2-5-1973 của Hội đồng Chính phủ, Tổng cục quy định như sau.

### A. CÁC LOẠI BƯU PHẨM TRONG NƯỚC VÀ BƯU PHẨM NGOÀI NƯỚC

Điều lệ trên của Hội đồng Chính phủ thống nhất quy định chỉ có năm loại bưu phẩm chung cho cả trong nước và ngoài nước: thư, bưu thiếp, ấn phẩm, học phẩm cho người mù, gói nhỏ:

**1. Thư:** kể cả gói thư, gồm có thư công, thư tư và các bưu phẩm khác được dán kín, đóng kín. Thư công gọi là công văn.

**2. Bưu thiếp** là loại bưu phẩm có khuôn khổ như quy định trong quyết định số 742-QĐ ngày 1-12-1973 của Tổng cục (ở đoạn cuối điều 2), làm bằng giấy các tông hoặc giấy dai, dùng để thông tin văn tắt. Bên trên mặt trước của bưu thiếp, phải có đề rõ chữ Bưu thiếp bằng Việt ngữ hoặc bằng một thứ tiếng khác. Nếu là bưu thiếp có hình, ảnh, thì không bắt buộc phải có chữ Bưu thiếp.

Bưu thiếp phải được gửi trần, không được gửi dưới băng hoặc trong phong bì. Ít nhất một phần nửa bên phải mặt trước của tấm bưu thiếp được dành để ghi địa chỉ người nhận, đề dán tem (hoặc in sẵn mẫu tem) và đề ghi những chú dẫn hoặc dán nhãn công vụ đặc biệt khi cần thiết. Người gửi được sử dụng cả mặt sau và phần bên trái của mặt trước để thông tin riêng: đề dán vi-nhết, ảnh, tem các loại, các nhãn hiệu mỏng, băng địa chỉ... Còn các loại tem có thể nhầm lẫn với tem thư dùng để trả cước, thì chỉ được dán ở mặt sau bưu thiếp.

Những bưu thiếp không theo đúng các điều kiện quy định trên thì được xử lý như thư (với cước phí cao hơn).

**3. Ấn phẩm** là những tài liệu in không có tính chất thông tin riêng, không dán kín, đóng kín. Nói chung, có thể được gửi theo loại ấn phẩm những tài liệu in thành nhiều bản giống y nhau trên giấy thường, giấy các-tông hoặc những chất khác thông dụng trong ngành ấn loát. Ngoài ra, Bưu điện còn chấp nhận theo giá cước ấn phẩm: